

ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG THỂ CHẾ ĐẾN DÒNG VỐN FDI VÀO TP. HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2000-2011

*Huỳnh Ngọc Chương
Viện Nghiên cứu Kinh tế Phát triển*

Tóm tắt: Với lợi thế sẵn có, Tp. Hồ Chí Minh luôn là điểm đến hấp dẫn đối với dòng vốn FDI vào Việt Nam. Trong giai đoạn 2000-2011, dòng vốn FDI vào thành phố đã có những biến động mạnh mẽ và biến động này chịu ảnh hưởng mạnh từ môi trường thể chế Việt Nam cũng như môi trường kinh doanh của thành phố. Trong đó, những tác động mang tính bước ngoặt đến từ những cải cách, thay đổi lớn trong môi trường kinh tế Việt Nam. Cùng với đó, môi trường kinh doanh của thành phố tuy đã có sự cải thiện qua các năm nhưng một số nhân tố liên quan đến hoạt động của bộ máy hành chính và lãnh đạo. Do đó, sự cải thiện trong môi trường kinh doanh của Tp. Hồ Chí Minh là vấn đề đặt ra mạnh mẽ và cấp thiết lúc này, đặc biệt trong hoạt động của bộ máy hành chính nhằm nâng cao số lượng và chất lượng nguồn FDI vào Tp. Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

Từ khóa: FDI, môi trường thể chế, Tp. Hồ Chí Minh.

Đặt vấn đề

Tp. Hồ Chí Minh với vai trò là đầu tàu kinh tế cả nước, là nơi tập trung các đặc điểm thuận lợi về tự nhiên, kinh tế và xã hội trong phát triển kinh tế trong những năm qua là nơi thu hút lượng lớn vốn FDI. Giai đoạn 2000-2011 là khoảng thời gian có những biến động lớn cả quốc tế, trong nước ảnh hưởng mạnh đến dòng vốn FDI vào Việt Nam nói chung và Tp. Hồ Chí Minh nói riêng. Trong thời gian qua, cả nước nói chung và thành phố nói riêng đã quan tâm cải thiện các vấn đề liên quan nhằm tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư (NĐT).

Nhằm phân tích, đánh giá những ảnh hưởng trong môi trường thể chế đến sự biến động của dòng vốn FDI vào thành phố trong thời gian vừa qua, bài viết tập trung đi vào nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường thể chế đối với sự biến động dòng vốn FDI của Tp. Hồ Chí Minh.

Lý thuyết và khung phân tích

Thorstein Veblen là một trong những người đầu tiên đưa ra khái niệm rõ ràng về thể chế trong trường phái kinh tế học thể chế, theo ông thể chế là tính quy chuẩn của hành vi hoặc các quy tắc xác định trong những tình huống cụ thể (Đình Văn Ân và Võ Trí Thành, 2002). Các nhà kinh tế, các tổ chức khác nhau định nghĩa về thể chế dựa trên những góc nhìn khác nhau nhưng đều thống nhất chung về một điểm cốt lõi là các nguyên tắc ràng buộc chính thức hoặc phi chính thức nhằm điều chỉnh hành vi của cá nhân, tổ chức trong quá trình tương tác với nhau. Bài viết này sẽ lấy định nghĩa của Ngân hàng Thế giới trong Báo cáo phát triển thế giới năm 2003 làm quy chuẩn trong nền tảng phân tích: “các quy tắc và tổ chức, gồm cả các chuẩn mực không chính thức, phối hợp hành vi con người”. Với ba chức năng chính của môi trường thể chế là: thu nhận tín hiệu, điều hòa lợi ích, thực hiện và thi hành các giải pháp.

Cũng như các thành phần khác trong vốn đầu tư, dòng vốn FDI chịu ảnh hưởng từ nhiều nhân tố khác nhau và thường được chia thành hai nhóm yếu tố: nhóm nhân tố cứng và nhóm nhân tố mềm. Dòng vốn FDI nhạy cảm với các thay đổi trong môi trường thể chế, đặc biệt là chính sách pháp luật. Carlo Altomonte (2000) khẳng định việc thiết lập khuôn khổ thể chế và pháp luật đầy đủ, hiệu quả và năng lực thực thi cao là một nhân tố quan trọng trong thu hút dòng vốn FDI bằng cách tác động đến kỳ vọng của các NĐT. Agnès Bénassy-Quéré và các tác giả (2007) đã cho thấy ảnh hưởng mạnh mẽ của môi trường thể chế đối với dòng vốn FDI thông qua triển vọng phát triển và chi phí mà môi trường thể chế đó tạo ra. Ở Việt Nam, Nguyễn Trọng Hoài (2007) đã xác định tác động của các yếu tố hạ tầng “mềm” đối với việc thu hút dòng vốn FDI tại các địa phương.

Bài viết được thực hiện theo khung phân tích về môi trường thể chế ảnh hưởng đến sự biến động của dòng vốn FDI vào Tp. Hồ Chí Minh giới hạn trong giai đoạn 2000-2011 theo quy mô tác động mang tính lan tỏa, từ phạm vi cả nước đến địa phương (Tp. Hồ Chí Minh) với từng cấp độ hiệu lực tác động của các nhân tố trong môi trường thể chế để xem xét tác động của môi trường thể chế đến dòng vốn FDI vào thành phố. Bài viết sử dụng các chỉ số tự do kinh tế (EFW - economic freedom of the world) và tự do kinh doanh (EDB - easy doing business) để đánh giá về môi trường thể chế kinh tế Việt Nam. Chỉ số EFW đánh giá về môi trường thể chế (hệ thống pháp luật và

chính sách) theo tiêu chí tự do trong kinh tế và kinh doanh trong khi chỉ số EDB đánh giá tổng quan về môi trường kinh doanh ở một nền kinh tế. Để đánh giá về môi trường kinh doanh của Tp. Hồ Chí Minh bài viết lấy chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

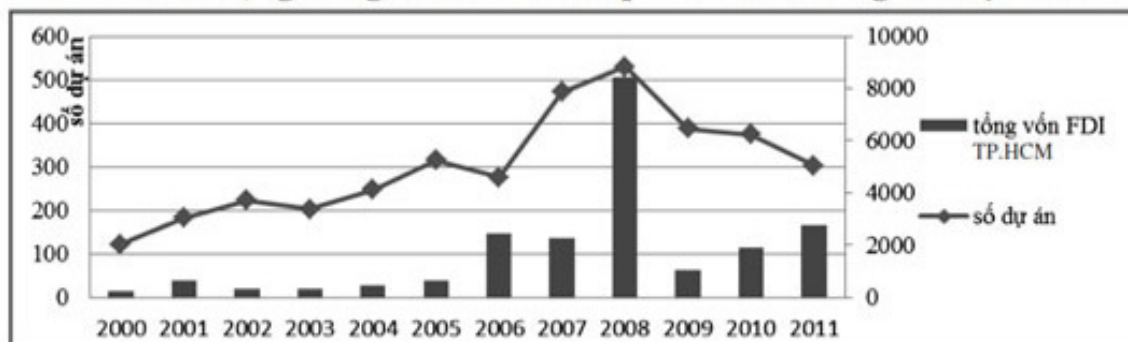
Sự biến động của dòng vốn FDI vào Tp. Hồ Chí Minh

Sự biến động của dòng vốn FDI vào Tp. Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2000-2011 có thể tóm tắt thành ba thành phần chính:

Thứ nhất, dòng vốn biến động mạnh theo thời gian trong giai đoạn nghiên cứu và có thể chia thành ba giai đoạn: (i) 2000-2005 tăng chậm cả về số lượng dự án và lượng vốn đầu tư; (ii) 2005-2008 là thời kỳ tăng vượt bậc của dòng vốn FDI, đỉnh điểm của dòng vốn vào năm 2008 với 530 dự án và hơn 8,4 tỷ USD; (iii) 2009-2011 sụt giảm mạnh so với thời kỳ trước do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những dấu hiệu bất đầu phục hồi lại dòng vốn FDI trong thời gian gần đây (Hình 1).

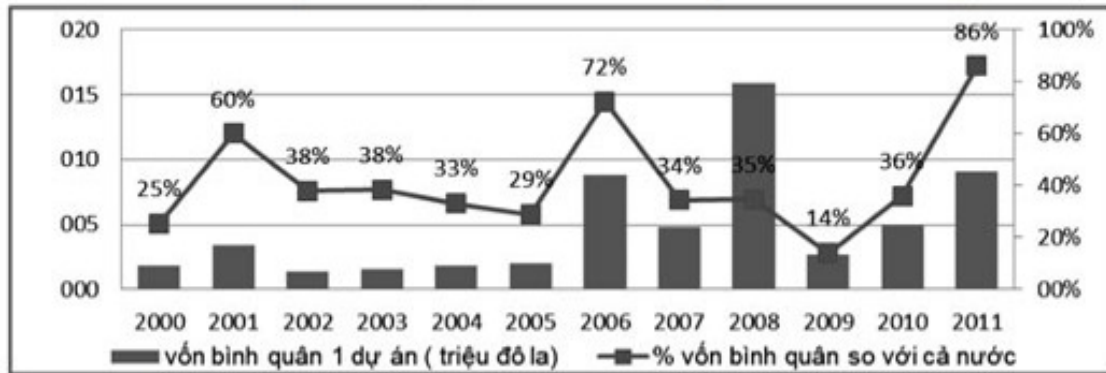
Thứ hai, mặc dù về số dự án thì Tp. Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ lớn so với cả nước nhưng lại không tương ứng với tỷ trọng vốn FDI. Điều này xuất phát do số dự án nhỏ đầu tư nhiều vào thành phố. Chính vì thế, vốn trung bình trên mỗi dự án đầu tư vào thành phố thấp xa so với cả nước. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, tình hình đã có sự cải thiện khi tỷ lệ số dự án và vốn gần tương đương nhau, vốn trung bình

Hình 1: Biến động dòng vốn FDI vào Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2000-2011



Nguồn: Cục Thống kê Tp. Hồ Chí Minh

Hình 2: Vốn bình quân một dự án FDI của Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2000-2011



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê Tp. Hồ Chí Minh

trên mỗi dự án đã tăng lên xấp xỉ gần bằng với trung bình chung cả nước (Hình 2).

Thứ ba, xét về cơ cấu ngành nghề - lĩnh vực thì dịch vụ và công nghiệp là hai lĩnh vực đầu tư chính của dòng vốn FDI (Hình 3). Trong đó, lĩnh vực dịch vụ tăng trưởng rất mạnh với số dự án và số vốn lớn. Tuy nhiên nếu để riêng bất động sản thì lĩnh vực dịch vụ sụt giảm mạnh do luồng vốn FDI đầu tư vào bất động sản rất lớn và vẫn đang có dấu hiệu tăng. Điều này lại đẩy lên nhiều lo ngại sẽ thổi bùng cơn sốt bất động sản thêm lần nữa, mặc dù hiện nay bất động sản vẫn còn đó tình trạng giao dịch đóng băng của thị trường. Về hình thức đầu tư thì các dự án 100% vốn FDI chiếm số dự án lớn nhất nhưng các dự án liên doanh lại là các dự án có vốn trung bình lớn hơn nhiều so với các dự án 100% vốn FDI. Ngoài ra, xét theo cơ cấu nước đầu tư thì nổi lên đáng chú ý là sự tăng mạnh mẽ dòng vốn

từ các nước Mỹ, Nhật, Hàn Quốc và gần đây là khu vực Đông Nam Á với lĩnh vực chủ yếu là bất động sản.

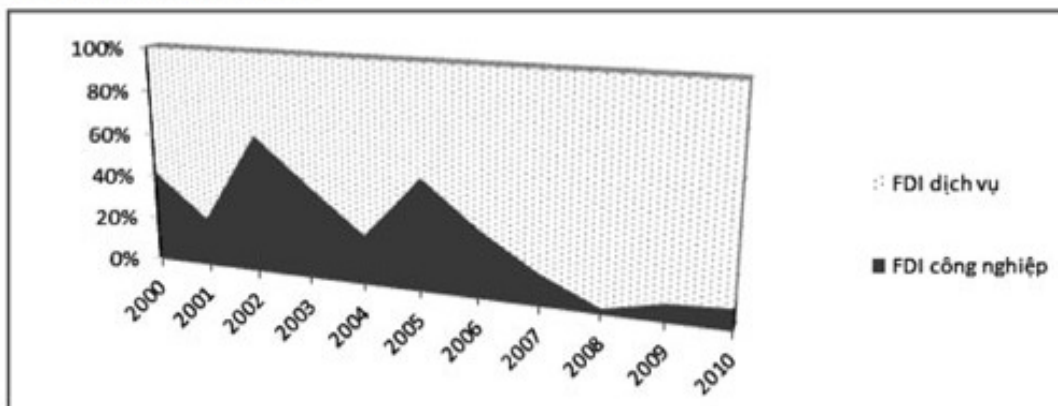
Ảnh hưởng của môi trường thể chế đối với sự biến động của dòng vốn FDI Tp. Hồ Chí Minh

Môi trường kinh tế Việt Nam

Môi trường kinh tế Việt Nam mà bài viết phân tích nằm ở hai vấn đề: (i) Sự biến động của khung pháp luật, chính sách về kinh doanh; (ii) Môi trường kinh doanh của Việt Nam.

Đầu những năm 2000, Việt Nam vừa thoát khỏi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á năm 1997, tốc độ tăng trưởng GDP bị sụt giảm mạnh so với giai đoạn trước, đồng thời đây cũng là giai đoạn mà Chính phủ quyết tâm cải cách kinh tế, hòa nhập vào kinh tế thế giới thông qua việc đàm phán tự do hóa thương mại với các quốc gia, đặc

Hình 3: Cơ cấu vốn đầu tư FDI vào Tp. Hồ Chí Minh theo lĩnh vực giai đoạn 2000-2010



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê Tp. Hồ Chí Minh

biệt là hiệp định thương mại Việt - Mỹ và gia nhập vào các hiệp ước thương mại đa phương trong khu vực cũng như trên thế giới nhất là WTO. Chính vì vậy, trong giai đoạn nghiên cứu đã chứng kiến sự thay đổi, cải thiện mạnh mẽ về pháp lý, chính sách và môi trường kinh doanh - đầu tư. Trong đó quan trọng nhất là những thay đổi cơ bản về khung pháp lý trong đầu tư và kinh doanh: các bộ luật mới như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư có hiệu lực vào năm 2005 đã tạo một bước ngoặt lớn cho môi trường kinh doanh và đầu tư của Việt Nam, cùng với những cải thiện trong môi trường kinh doanh đã tạo nên một làn sóng đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam (Bảng 1).

Đầu tiên đó là vấn đề về chính sách luật. Năm 2005 Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư ra đời đánh dấu một bước tiến quan trọng trong thay đổi môi trường kinh doanh của cả nước. Kể từ đây, tất cả các loại hình doanh nghiệp được đối xử bình đẳng như nhau, không còn sự phân biệt giữa NĐT trong và ngoài nước. Đây là một chất xúc tác cực kỳ mạnh mẽ thúc đẩy các NĐT chịu bỏ vốn vào Việt Nam nói chung và Tp. Hồ Chí Minh nói riêng.

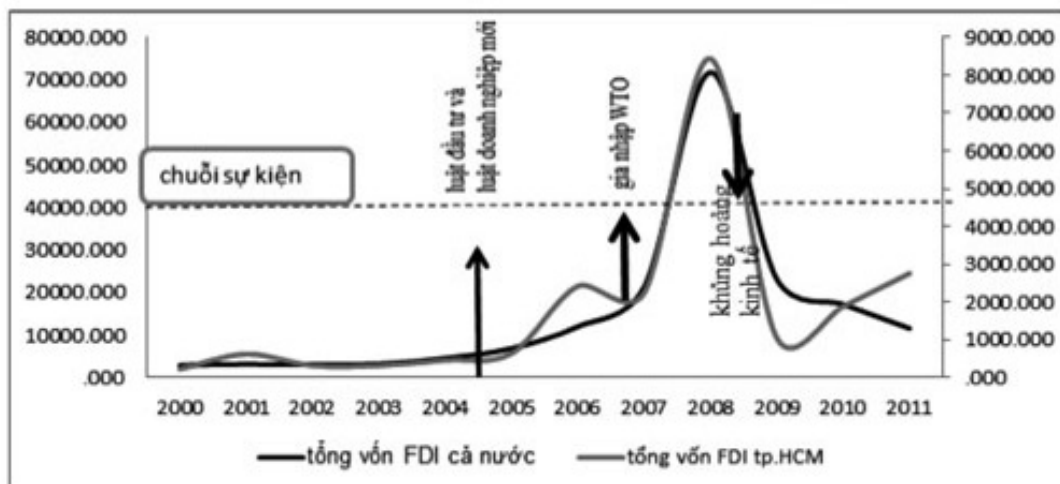
Ngay khi hai bộ Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư có hiệu lực đã ảnh hưởng mạnh mẽ làm thúc đẩy nguồn vốn FDI tăng trưởng trong cả nước. Tăng trưởng FDI của cả nước trong năm 2005 là 50,4% so với năm 2004 và năm 2006 là 75% so với năm 2005, trong khi đó Tp. Hồ Chí Minh con số tương ứng là 39,65% và 277,37%. Điều này cho thấy tác động rất lớn từ hiệu ứng tích cực trong việc cải thiện môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh ở Việt Nam nói chung và Tp. Hồ Chí Minh nói riêng.

Sự tăng trưởng FDI càng trở nên mạnh mẽ hơn nữa khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO. Để gia nhập WTO, Việt Nam đã cải thiện rất nhiều trong môi trường đầu tư, xóa bỏ nhiều hạn chế vướng mắc trong môi trường kinh doanh, chuẩn hóa các tiêu chuẩn, chỉ tiêu, các hạn chế thương mại theo đúng các tiêu chuẩn của WTO. Điều đó đã thúc đẩy lượng FDI chảy vào Việt Nam nói chung và Tp. Hồ Chí Minh nói riêng tăng trưởng mạnh trong hai năm tiếp theo là 2007 và đạt đỉnh điểm là năm 2008 trước khi sụt giảm do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới (Hình 4).

Bảng 1: Tác động khung chính sách pháp luật ảnh hưởng đến dòng vốn FDI

Năm tác động	Sự kiện	Chiều ảnh hưởng
2005	Luật Doanh nghiệp; Luật Đầu tư	Ảnh hưởng tích cực, tác động mạnh
2007	Việt Nam gia nhập WTO	Ảnh hưởng tích cực, tác động mạnh

Hình 4: Tương quan giữa các yếu tố trên với dòng vốn FDI vào Tp. Hồ Chí Minh



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các dữ liệu kinh tế và số liệu của Cục Thống kê Tp. Hồ Chí Minh

Về môi trường kinh doanh, Việt Nam được đánh giá là một nơi ổn định về hệ thống chính trị - xã hội, với hình ảnh là một quốc gia đang mở cửa và nền kinh tế đang tăng trưởng hòa nhập với thế giới nên thu hút các NĐT đầu tư sớm để đón đầu cơ hội.

Tuy được thế giới đánh giá cao về tiến trình cải cách, thúc đẩy tự do trong kinh doanh nhưng chưa bao giờ Việt Nam được coi là một trong những nước hoạt động kinh doanh dễ dàng. Điều đó được thể hiện qua sự biến động các chỉ số EDB và EFW (Bảng 2).

Chỉ số EDB của Việt Nam được cải thiện rõ rệt trong giai đoạn trước năm 2009, kể từ đó sự cải thiện trong môi trường kinh tế nước ta chậm chạp và chậm hơn so với các quốc gia khác, điều này được thể hiện rõ trong chỉ số EDB kể từ năm 2009. Trong đó, đáng quan ngại nhất là chỉ số về bảo vệ NĐT và thời gian nộp thuế ở nước ta luôn ở mức thấp và chậm được cải thiện nhất trong mắt các NĐT nước ngoài.

Trong khi đó chỉ số EFW của Việt Nam nhìn chung có bước cải thiện nhanh khoảng thời gian trước năm 2007 trong khi đó lại sụt giảm vào những năm 2007-2008 và hiện nay đang cải thiện dần. Sự sụt giảm vào năm 2008 được giải thích do sự can thiệp sâu của nhà nước vào nền kinh tế đặc biệt khi giải quyết các vấn đề kinh tế vĩ mô có các chính sách hành chính bất buộc và mệnh lệnh hành chính gây áp lực lớn đến thị trường và môi trường kinh doanh.

Để đánh giá về mối tương quan của chất lượng thể chế trong phạm vi cả nước đối với sự biến động trong dòng vốn FDI vào thành phố, bài viết thực hiện xem xét mối tương quan các chỉ số đo lường chất lượng thể chế và biến động của dòng vốn FDI (Hình 5).

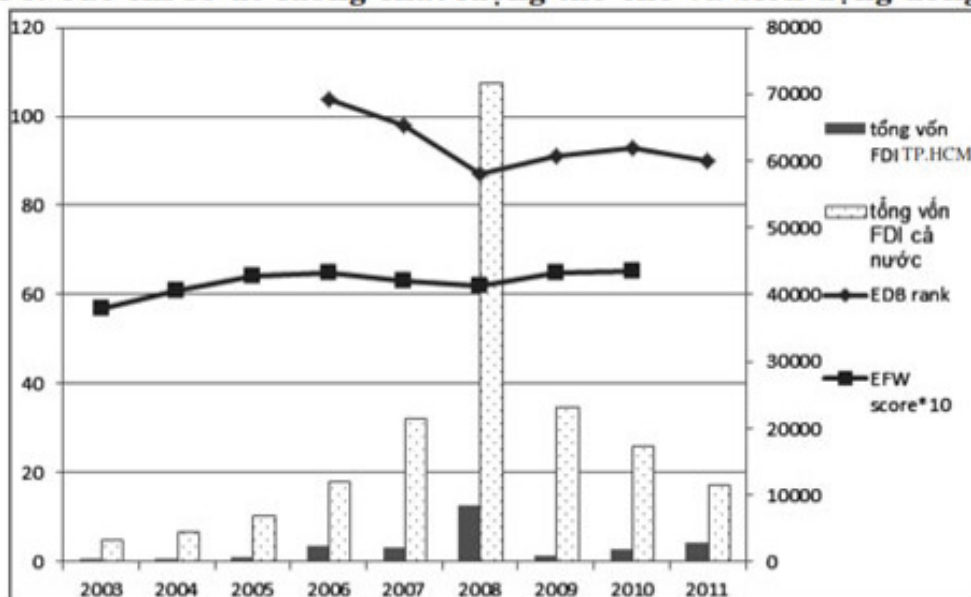
Sự biến động khá phù hợp với nhau của hai chỉ số khi đánh giá về chất lượng thể chế kinh tế ở Việt Nam cho thấy sự nhìn nhận của quốc tế đối với các điều kiện môi trường thể chế và quản lý thể chế ở Việt Nam. Mối tương quan của hai

Bảng 2: Các chỉ số đo lường chất lượng thể chế kinh tế Việt Nam qua các năm

Năm	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Thứ hạng EDB				104	98	87	91	93	90	99
Điểm EFW	5,7	6,1	6,4	6,5	6,3	6,2	6,5	6,54		

Nguồn: Ngân hàng thế giới và Economic Freedom Network

Hình 5: Các chỉ số đo lường chất lượng thể chế và biến động dòng FDI



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các dữ liệu kinh tế và số liệu của Cục Thống kê Tp. Hồ Chí Minh

chỉ số này đối với dòng vốn FDI vào cả nước nói chung và Tp. Hồ Chí Minh nói riêng là khá cao nói lên sự ảnh hưởng của môi trường thể chế đối với việc thu hút dòng vốn FDI.

Đặc biệt là sự phù hợp trong biến động của dòng vốn FDI vào Tp. Hồ Chí Minh và chỉ số EFW. Điểm EFW càng cao với đánh giá chất lượng môi trường thể chế càng tốt cho kinh doanh tỷ lệ thuận với dòng vốn FDI vào Tp. Hồ Chí Minh với sự phù hợp cao. Điều này cho thấy tác động của môi trường thể chế đối với các NĐT có ý muốn đầu tư vào thành phố cao hơn so với trung bình chung của cả nước, khi Tp. Hồ Chí Minh chủ yếu cạnh tranh trong thu hút vốn FDI hiện nay dựa trên các nền tảng mềm, môi trường thể chế do thu hút vào cơ cấu FDI các ngành dễ biến đổi và lựa chọn địa điểm đầu tư như công nghệ phần mềm, các ngành công nghệ cao... Theo đó, sự cải thiện về môi trường thể chế đã có ảnh hưởng tích cực đối với dòng vốn FDI vào thành phố, sự cải thiện đặc biệt rõ rệt trong lúc đàm phán gia nhập vào WTO và kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế 2008.

Ảnh hưởng của môi trường thể chế kinh tế Tp. Hồ Chí Minh đến sự biến động của dòng vốn FDI

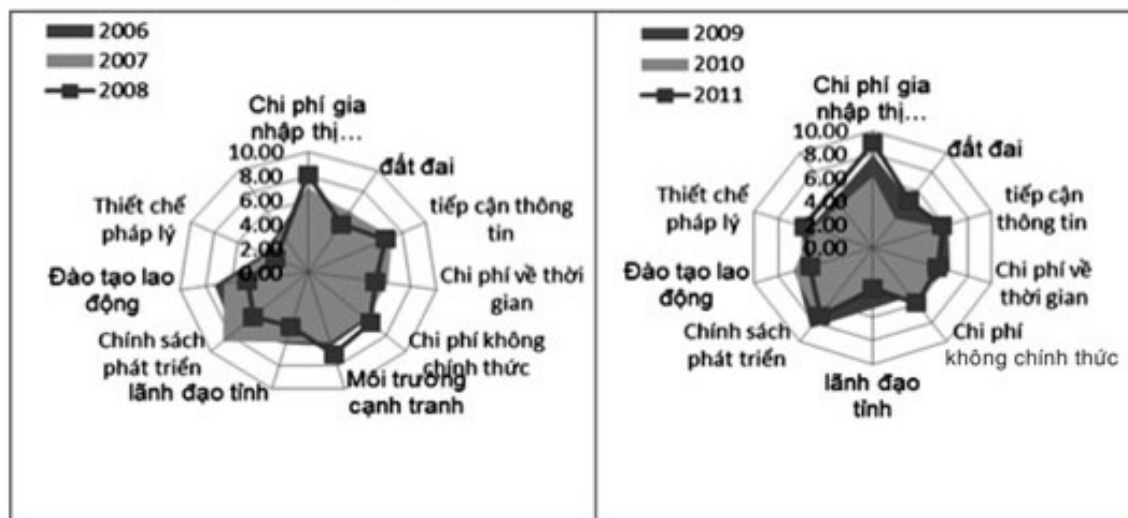
Chỉ số PCI của thành phố giai đoạn 2006-2011 thể hiện ba nhóm xu thế rõ rệt: (i) Sự cải

thiện mạnh mẽ các nhóm nhân tố liên quan đến hoạt động trong kinh doanh (môi trường cạnh tranh, chi phí gia nhập thị trường) và hệ thống thiết chế pháp lý; (ii) Sự sụt giảm đáng ngại của các nhóm nhân tố liên quan đến hoạt động của bộ máy công quyền ở địa phương (chi phí không chính thức, sự năng động của lãnh đạo, tiếp cận thông tin) và nhân tố đào tạo lao động chưa theo kịp với sự phát triển; (iii) Sự biến động khó xác định của các nhóm nhân tố còn lại (Hình 6).

Sự tiến bộ đáng kể của Tp. Hồ Chí Minh trong việc cải thiện môi trường đầu tư đặc biệt là chi phí gia nhập thị trường và nhóm nhân tố hoạt động kinh doanh trên thị trường ngày càng tốt tạo thuận lợi cho NĐT. Đây là hai yếu tố cực kỳ quan trọng trong thu hút đầu tư không chỉ là luồng vốn FDI mà còn đối với các NĐT trong nước, điều này thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thêm thuận lợi, tạo điều kiện cho sự tham gia thị trường của các NĐT bên ngoài.

Tuy nhiên, nhóm các nhân tố phản ánh hoạt động của bộ máy công quyền sụt giảm liên tục nên mối quan ngại đặc biệt đối với môi trường kinh doanh của thành phố. Trong đó, yếu tố năng động của lãnh đạo ngày càng giảm sẽ có ảnh hưởng mạnh đến hình ảnh của thành phố và sự chuyển biến trong hoạt động điều

Hình 6: Chỉ số PCI của Tp. Hồ Chí Minh qua giai đoạn 2006-2011



Nguồn: VCCI

hành phát triển khi mà bộ máy lãnh đạo là nơi quyết định các chính sách quan trọng, nơi thiết lập và thúc đẩy hoạt động của toàn bộ bộ máy hành chính thành phố. Do đó sự sụt giảm các chỉ số này sẽ ảnh hưởng lớn đến các yếu tố khác làm xấu hình ảnh của thành phố trong mắt NĐT, đồng thời thể hiện sự kém “thân thiện” của bộ máy hành chính đối với giới doanh nghiệp.

Thứ hạng chỉ số PCI của thành phố liên tục giảm chứng tỏ những bất cập của thành phố chậm được cải thiện hơn các địa phương khác trong nước, điều này làm giảm sức hút của thành phố so với các địa phương khác trong mắt NĐT và dẫn đến sự biến động trong tỷ lệ vốn FDI của Tp. Hồ Chí Minh trong lượng vốn FDI đổ vào nước ta qua các năm (Bảng 3).

Giai đoạn 2006-2009 tỷ lệ vốn FDI vào thành phố so với cả nước giảm nhanh từ mức trên 20% xuống chỉ còn xấp xỉ 4,5%, sức hút của

thành phố đối với dòng vốn FDI giảm đi rõ rệt, cùng với sự sụt giảm các yếu tố về thể chế cũng như thứ hạng của thành phố so với các địa phương khác càng sụt giảm (thứ hạng ngày càng cao) mặc dù chỉ số PCI không sụt giảm nhiều (Hình 7). Điều này cho thấy, khả năng cạnh tranh so sánh của Tp. Hồ Chí Minh với các địa phương khác đối với dòng vốn FDI vào Việt Nam đã giảm nhanh trong thời kỳ này.

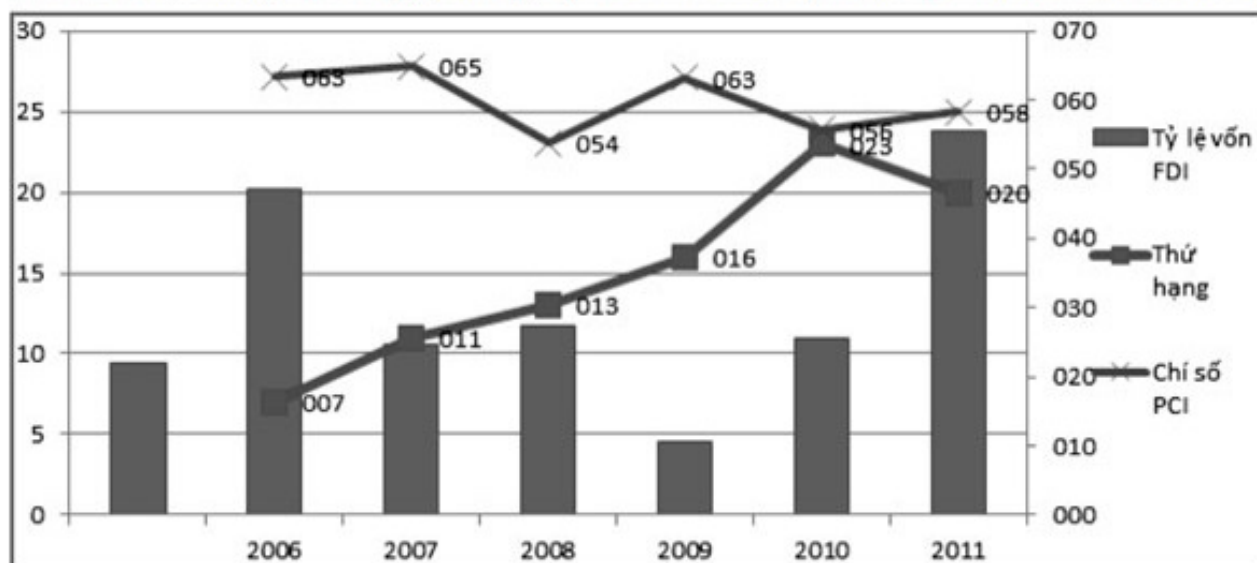
Từ năm 2010 là giai đoạn phục hồi vai trò của thành phố trong việc thu hút dòng vốn FDI vào Việt Nam, cộng với sự cải thiện các yếu tố trong môi trường thể chế địa phương, chỉ số PCI cũng cho thấy sự cải thiện này thông qua xếp hạng và điểm số đánh giá chung. Tuy nhiên vẫn còn quá sớm để nhìn nhận sự cải thiện này là do tác động của khủng hoảng kinh tế đã làm sụt giảm mạnh dòng vốn FDI vào Việt Nam đồng thời với các tín hiệu nhiều do đó cần thêm thời gian để kiểm nghiệm vấn đề này.

Bảng 3: Chỉ số PCI của Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2005-2011

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Thứ hạng	17	7	10	13	16	23	20
Điểm PCI	59.61	63.39	64.83	60.15	63.22	59.67	61.93

Nguồn: VCCI

Hình 7: PCI và sự biến động của tỷ lệ vốn FDI vào Tp. Hồ Chí Minh so với cả nước



Nguồn: Tác giả tổng hợp dữ liệu từ Tổng cục Thống kê, VCCI, Cục Thống kê Tp. Hồ Chí Minh

Kết luận

Qua phân tích chung về sự biến động của dòng vốn FDI vào Tp. Hồ Chí Minh, bài viết đã tập trung phân tích ảnh hưởng của môi trường thể chế kinh tế đối với việc thu hút dòng vốn này cho sự tăng trưởng và phát triển của thành phố.

Môi trường thể chế có vai trò quan trọng, bổ sung cho các lợi thế ban đầu của địa phương trong thu hút vốn nguồn FDI trong thời gian qua, đồng thời vai trò của nó sẽ ngày càng quan trọng ở các địa phương như Tp. Hồ Chí Minh trong việc tạo nên sức hấp dẫn đối với các NĐT, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Đứng trước sự thay đổi nhanh chóng của môi trường quốc tế, trong nước, áp lực đối với quá trình cải thiện môi trường thể chế là cấp thiết

và liên tục. Tuy thời gian gần đây thành phố đã có nhiều giải pháp nhưng điều đó dường như vẫn chưa đủ. Sự cải thiện về thể chế ở địa phương để thực hiện một cách có hệ thống và toàn diện nên căn cứ vào các tiêu chí PCI nhằm tạo ra những bước chuyển biến mạnh mẽ trong môi trường thể chế của thành phố.

Bên cạnh đó, sự cải thiện không chỉ nằm trong phạm vi điều chỉnh của thành phố mà nó còn nằm ở phạm vi cả nước khi mà vai trò của môi trường thể chế phạm vi cả nước có ảnh hưởng mạnh mẽ, tác động lâu dài đối với thành phố và các NĐT nước ngoài khi tìm hiểu về Việt Nam để đầu tư. Điều này đòi hỏi việc cải cách môi trường thể chế phải thực hiện liên hoàn và đồng bộ từ phạm vi cả nước, vùng và từng địa phương theo các vấn đề khác nhau nhằm nâng cao sức hấp dẫn của thành phố nói riêng và các địa phương khác trong cả nước nói chung trong mắt NĐT nước ngoài ■

Tài liệu tham khảo

1. Altomonte, C. (2000). *Economic determinants and institutional frameworks: FDI in economies in transition. Transnational Corporations*, vol. 9, no. 2, p. 75-104, http://unctad.org/en/Docs/iteiit21v9n2_en.pdf
2. Bénassy-Quéré, A., Coupet, M., & Mayer, T. (2007). *Institutional Determinants of Foreign Direct Investment. The World Economy*, http://econ.sciences-po.fr/sites/default/files/file/tmayer/institutions_pub.pdf.
3. Đinh Văn Ân và Võ Trí Thành (2002). *Thể chế - cải cách thể chế và phát triển*, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
4. Globerman, S., Shapiro, D. & Tang, Y. (2004). *Foreign direct investment in emerging and transition european countries. Center for International Business*, <http://www.bowdoin.edu/~ytang/fdi-europe.pdf>
5. Ngân hàng Thế giới (2003). *Phát triển bền vững trong một thế giới năng động - Thay đổi thể chế, tăng trưởng và chất lượng cuộc sống*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Trọng Hoài (2007). *Các nhân tố cơ sở hạ tầng mềm tác động đến việc thu hút vốn đầu tư địa phương - Kiểm định bằng mô hình hồi quy*. *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, trang 18-20, số 201/2007.
7. Gwartney, J., Holcombe, R., & Lawson, R., (2004). *Economic freedom, institutional quality, and cross-country differences in income and growth. Cato Journal*, Vol 24, No. 3, p. 205-233.
8. *FDI in economies in transition. Transnational Corporations*, vol. 9, no. 2, p. 75-104, http://unctad.org/en/Docs/iteiit21v9n2_en.pdf.



EXIMBANK

Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM trân trọng cảm ơn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam
đã tài trợ tạp chí cho sinh viên.